

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023 của Sở Tư pháp Quảng Nam

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-STP ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Sở Tư pháp Quảng Nam về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023.

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của Sở Tư pháp (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu :VT, VP.

GIÁM ĐỐC

ĐƠN VỊ : SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NAM

Mẫu biểu số 01

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số.... ngày.... tháng 01 năm 2023 của Giám đốc Sở)

Chương 414

Đơn vị tính: 1.000 đồng

L	K	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	VĂN PHÒNG SỞ	CÔNG CHỨNG 1	TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ	TRUNG TÂM BÁN ĐẤU GIÁ
		A. DỰ TOÁN THU, NỢP NSNN VÀ CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI					
		I. Dự toán thu	3.850.000	1.500.000	2.150.000		200.000
340	341	Thu phí lý lịch tư pháp	1.500.000	1.500.000			
280	338	Thu phí công chứng	2.000.000		2.000.000		
280	338	Thu hoạt động Dịch vụ, SN và hoạt động khác	350.000		150.000		200.000
		II. Nộp ngân sách nhà nước	1.211.000	711.000	500.000		
340	341	Thu phí lý lịch tư pháp	711.000	711.000			
280	338	Thu phí công chứng	500.000		500.000		
		III. Dự toán chi từ nguồn thu được để lại	2.639.000	789.000	1.650.000		200.000
340	341	Chi phục vụ thu phí lý lịch tư pháp	789.000	789.000			
280	338	Chi phục vụ thu phí công chứng	1.500.000		1.500.000		
280	338	Chi phục vụ thu Dịch vụ , SN và hoạt động khác	350.000		150.000		200.000
		B. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC PHÂN BỐ	18.299.000	8.611.000		8.879.000	809.000
340	341	I. DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH:	8.611.000	8.611.000			
		1. Dự toán chi thực hiện chế độ tự chủ theo ND 130/2005/ND-CP và ND số 117/2013/ND-CP	5.252.000	5.252.000			
		Trong đó : Dự toán đối với hợp đồng lao động theo ND					

		68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của CP và sửa đổi tại NĐ số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của CP: 384 triệu					
		2. Dự toán chi không tự chủ	3.359.000	3.359.000			
		- Trang phục thanh tra	9.000	9.000			
		- Hoạt động quốc phòng	31.000	31.000			
		-Phục vụ thu phí	500.000	500.000			
		- Chi giải quyết công tác đăng ký con nuôi có yếu tố NN	25.000	25.000			
		- Hoạt động PBGDPL; xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống VBQPPL và theo dõi thi hành pháp luật; công tác hộ tịch, chứng thực, nuôi con nuôi trong nước; công tác hỗ trợ tư pháp; hoạt động thanh tra chuyên ngành tư pháp; hoạt động xử lý vi phạm hành chính	700.000	700.000			
		-Kinh phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin phần mềm QLCSDL chứng thực tỉnh Quảng Nam năm 2022	639.000	639.000			
		- Đề án tuyên truyền PBGDPL năm 2022	200.000	200.000			
		-Thực hiện Đề án chỉnh lý tài liệu tồn đọng theo Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của UBND tỉnh	295.000	295.000			
		- Mua sắm	960.000	960.000			
		+ 01 máy tính, 01 máy in phục vụ hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước	25.000	25.000			
		+ 03 máy điều hòa	60.000	60.000			
		+ Lắp đặt hệ thống phòng họp trực tuyến	370.000	370.000			
		+ Lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy	505.000	505.000			
280	338	II. DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ	809.000				809.000
		Chi không thường xuyên theo định mức	809.000				809.000
370	398	III. DỰ TOÁN CHI HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ	8.879.000			8.879.000	
		1. Dự toán chi thường xuyên theo định mức	3.448.000			3.448.000	
		Trong đó: Dự toán đối với hợp đồng lao động theo NĐ					

	68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của CP và sửa đổi tại NĐ số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của CP: 260 triệu					
	2.Dự toán chi không thường xuyên ngoài định mức	5.431.000			5.431.000	
	-Trang phục Trợ giúp viên pháp lý	45.000			45.000	
	- Hoạt động theo Luật trợ giúp pháp lý năm 2017	2.300.000			2.300.000	
	-Mua sắm, sửa chữa	3.086.000			3.086.000	
	+ Lắp đặt trang thiết bị phục vụ tổ chức phiên tòa xét xử trực tuyến cho phòng xử án	186.000			186.000	
	+ Sửa chữa trụ sở làm việc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh	2.900.000			2.900.000	